

Bản án số: 27/2020/DS-ST.

Ngày: 13/11/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN, TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Yên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Nguyễn Thị Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Công - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về Tranh chấp “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần ĐNA.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 25 THĐ, phường PCT, quận HK, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình K - Phó Tổng Giám đốc. Theo Giấy ủy quyền số 359/2018/UQ-S Bank ngày 20/4/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP ĐNA.

Ông Vũ Đình K ủy quyền cho ông Nguyễn Chiến T theo giấy ủy quyền số 6462/2020/UQ- S Bank ngày 14/5/2020; có mặt.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978 và ông Đỗ Hữu V, sinh năm 1974; đều vắng mặt.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Cụm 4, thôn 2, xã CN, huyện TT, thành phố

Hà Nội.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Kim N, sinh năm 1981; vắng mặt.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Lô 333 Khu giãn dân VQ, phường VQ, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

- Bà Thái Thị C, sinh năm 1933 và anh Nguyễn Quyết T, sinh năm 1975; đều vắng mặt

Địa chỉ: Số 21c, dãy C2, khu tập thể BT, phường NT, quận HĐ, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2020 cùng các bản khai của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP DNA trình bày thì:*

Ngày 22/6/2012, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Hữu V có ký kết Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số: 120052 với Ngân hàng TMCP DNA – Chi nhánh HN, theo đó, ông V, bà H vay ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng chẵn*); Mục đích vay: Vay sửa chữa nhà; thời hạn: 84 tháng kể từ ngày nhận nợ; tính đến ngày 22/06/2020, dư nợ của bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đỗ Hữu V tại S Bank cụ thể như sau: Nợ gốc: 389.941.986 đồng; Lãi trong hạn: 213.150.897 đồng; Lãi quá hạn: 543.975.967 đồng; Tổng 1.147.068.850 đồng.

**Tài sản bảo đảm cho khoản vay:** Quyền sử dụng 35m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 61a, tờ bản đồ số 00, 21C-C2 Tập thể BT, phường NT, quận HĐ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 914543 do UBND quận HĐ, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/04/2012 cho ông Nguyễn Kim N. Chi tiết về việc thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 774.2012/HĐTC ngày 22/06/2012 tại Văn phòng Công chứng NT, thành phố Hà Nội. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình vay vốn, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Hữu V vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 09/12/2012. S Bank đã nhiều lần gửi thông báo, công văn yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đỗ Hữu V và các Bên liên quan trả nợ, nhưng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đỗ Hữu V và các Bên liên quan vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 09/12/2012, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đỗ Hữu V đã thanh toán cho S Bank được tổng số tiền là: 33.311.246 đồng (Trong đó gồm: 10.058.014 đồng nợ gốc; 23.253.232 đồng nợ lãi).

Ngân hàng yêu cầu Tòa án: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Hữu V thanh toán cho S Bank số tiền Nợ gốc là 389.941.986 đồng; lãi trong hạn là 213.150.897 đồng; lãi quá hạn: 543.975.967 đồng. Tổng là 1.147.068.850 đồng, tính đến ngày 22/6/2020.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Hữu V thanh toán số tiền lãi, phạt, phí phát sinh theo lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số: 120052 ký ngày 22/06/2012 kể từ ngày 13/6/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Hữu V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì S Bank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên để thu hồi nợ cho S Bank.

Trong trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho S Bank thì bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Hữu V vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho S Bank cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2020 của bị đơn là ông Đỗ Hữu V và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày thì:*

Tháng 6/2012 vợ chồng ông bà có đứng tên vay cho cậu em là Nguyễn Kim N với số tiền vay là 400.000.000 đồng tại Ngân hàng DNA chi nhánh Hà Nội và thế chấp tài sản của ông Nguyễn Kim N. Khi vay số tiền trên vợ chồng ông bà giao luôn tiền cho ông Nguyễn Kim N. Thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng là ông Nguyễn Kim N. Đến nay ông Nguyễn Kim N chưa thanh toán hết khoản vay cho Ngân hàng. Vợ chồng ông bà đồng ý nếu ông N không trả được nợ cho Ngân hàng thì xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Vợ chồng ông bà đề nghị Ngân hàng miễn giảm tiền lãi suất cho vợ chồng ông bà cũng như cho anh N.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Kim N trình bày:* Ông có nhờ bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Hữu V đứng tên vay hộ một khoản tiền tại Ngân hàng DNA, chi nhánh Hà Nội với số tiền 400.000.000 đồng. Ông đã thế chấp thửa đất của ông đứng tên Nguyễn Kim N địa chỉ thửa đất: Số 21c, dãy C2, khu tập thể BT, phường NT, quận HĐ, thành phố Hà Nội. Ông đã thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc là: 10.0658.014 đồng; trả lãi: 23.253.232 đồng. Do kinh tế khó khăn ông chưa thanh toán tiền cho Ngân hàng. Ông không thể có tiền thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi là: 1.147.068.850 đồng. Ông đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 61A, tờ bản đồ số 00, diện tích 35m<sup>2</sup> tại Số 21C, dãy C2, khu tập thể BT, phường NT, quận HĐ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH914543 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH-00353 do Ủy ban nhân dân quận HĐ cấp ngày 27/4/2012 cho ông Nguyễn Kim N.

Ông đồng ý thanh toán toàn bộ tiền gốc và một phần tiền lãi cho Ngân hàng. Ông đồng ý với cách tính lãi của Ngân hàng nhưng ông xin miễn giảm tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn vì kinh tế còn đang khó khăn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị Ch và ông Nguyễn Quyết T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập đến Tòa án nhưng bà C và ông T đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không ghi được lời khai của bà C, ông T vì bà C, ông T mặc dù cư trú ở địa chỉ: Số 21c, dãy C2, khu tập thể BT, phường NT, quận HĐ, thành phố Hà Nội nhưng thường xuyên vắng nhà, không rõ đi đâu, khi nào trở về.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của S bank giữ nguyên các yêu cầu trong đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 281, 298, 299, 302, 305, 351, 385, 398, 463, 466, 468, 470, Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Vụ án phát sinh là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là S bank và bị đơn là ông Đỗ Hữu V, bà Nguyễn Thị Thu H. Bị đơn có địa chỉ tại huyện TT, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Kim N, bà Thái Thị C và ông Nguyễn Quyết T, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập đến phiên tòa theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông N, bà C và ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng là vi phạm về nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông N, bà C và ông T.

Tòa án triệu tập hợp lệ bà Thái Thị C và ông Nguyễn Quyết T không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc Ngân hàng S BANK có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Hữu V về khoản vay của Ngân hàng. Bà C, ông T thường xuyên vắng nhà, không rõ đi đâu, khi nào trở về. Bà C và ông T là người đang sinh sống trên thửa đất. Tòa án tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, niêm yết Thông báo phiên hòa giải, niêm yết thông báo kết quả giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, niêm yết Quyết định đưa vụ án xét xử, niêm yết quyết định hoãn phiên tòa tại Ủy ban nhân dân phường NT, quận HD, thành phố Hà Nội; Niêm yết tại nơi cư trú của bà Thái Thị C và ông Nguyễn Quyết T; niêm yết tại Tòa án nhân dân huyện TT.

Quá trình giải quyết tại Tòa án ông Nguyễn Kim N có mặt Tòa án lấy lời khai, lập biên bản mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử ông Nguyễn Kim N đã được triệu tập nhưng không có mặt tại phiên tòa. Theo hộ khẩu thường trú hiện tại ông N không sinh sống. Tòa án đã tiến hành xác minh với Công an Cảnh sát khu vực phường VQ được biết ông N không sinh sống tại địa chỉ thường trú trên. Hiện tại ông N sinh sống ở đâu Công an Cảnh sát khu vực phường VQ không nắm được. Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa nơi cư trú cuối cùng của ông N; tại Ủy ban nhân dân phường VQ, tại lô đất 333, ngõ 233, tổ dân phố số 09, phường VQ, quận HD, thành phố Hà Nội; tại Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số: 120052 được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, các Điều 90, 91, 95 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng, nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện các hợp đồng, S Bank đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, tiến hành giải ngân các khoản vay cho ông V, bà H theo thỏa thuận. Tuy nhiên ông V, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Ngày 20/6/2013 S Bank đã có Thông báo nợ quá hạn về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh V, chị H vẫn không thực hiện. Ngày 05/5/2020 S Bank đã khởi kiện ông V, bà H tại Tòa án.

Tính đến ngày 13/11/2020, ông V, bà H còn nợ S Bank tổng số tiền là 1.196.056.338 đồng, trong đó: Số tiền gốc là 389.941.986 đồng; lãi trong hạn là 213.150.897 đồng, lãi quá hạn là 592.963.455 đồng.

Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc sau ngày 13/11/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 13/11/2020 cho đến khi thanh toán xong, phía bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng S Bank.

**[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ:**

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 774.2012/HĐTC ngày 22/06/2012 tại Văn phòng Công chứng NT, thành phố Hà Nội. Đăng ký thế chấp ngày 25/6/2012 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TT, Thành phố Hà Nội giữa S Bank (bên nhận thế chấp) với ông Nguyễn Kim N (bên thế chấp); đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch, phù hợp với các quy định tại Điều 298, 335, 342 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12; Điều 41 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003.

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/8/2020 thì: Trên thửa đất số 61a, tờ bản đồ số 00, 21C-C2 Tập thể BT, phường NT, quận HĐ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 914543 do UBND quận HĐ, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/04/2012 cho ông Nguyễn Kim N có 01 nhà 2 tầng kết cấu bê tông cốt thép; 01 sân lát gạch đỏ; mái tôn và trụ cổng, được thể hiện trong nội dung hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của ông Nguyễn Kim N. Hiện nay có bà Thái Thị C và anh Nguyễn Quyết T đang sinh sống trên thửa đất này.

Do vậy trường hợp ông V, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì S Bank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 7 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 774.2012/HĐTC ngày 22/06/2012 tại Văn phòng Công chứng NT, thành phố Hà Nội.

**[3] Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông V, bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 47.627.000 đồng. Trả lại Ngân hàng S Bank số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 281, 298, 299, 302, 305, 335, 351, 385, 398, 463, 466, 468, Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 90, 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định

11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **[1]. Tuyên xử:**

[1.1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần DNA (S Bank).

Buộc ông Đỗ Hữu V, bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần DNA số tiền còn nợ tính đến ngày 13/11/2020 là 1.196.056.338 đồng, trong đó: Số tiền gốc là 389.941.986 đồng; lãi trong hạn là 213.150.897 đồng; lãi quá hạn là 584.458.667 đồng.

Kể từ ngày 14/11/2020 cho đến khi thanh toán xong, ông V, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần DNA.

[1.2] Trường hợp ông V, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng S Bank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng 35m<sup>2</sup> đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 61a, tờ bản đồ số 00, 21C-C2 Tập thể BT, phường NT, quận HĐ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 914543 do UBND quận HĐ, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/04/2012 cho ông Nguyễn Kim N. Chi tiết về việc thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 774.2012/HĐTC ngày 22/06/2012 tại Văn phòng Công chứng NT, thành phố Hà Nội, để thu hồi nợ.

Trường hợp phải xử lý các tài sản thế chấp thì các đương sự có tên trên và các cá nhân, tổ chức nào đang thực tế sử dụng, sinh sống tại diện tích đất nêu trên cũng phải thực hiện nghĩa vụ di dời đi chỗ khác để đảm bảo cho việc Thi hành án.

[1.3] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**[2] Về án phí:** Buộc ông Đỗ Hữu V, bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 47.880.000đ (*Bốn mươi bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng S Bank số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.900.000 đồng (*Hai mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AB/2014/07408 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

### **[3] Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có

quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhân:**

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- Các đ-ơng sự;
- THA, VKSND huyện TT;
- Chi cục THA huyện TT;
- L- u HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngọc Yên**





